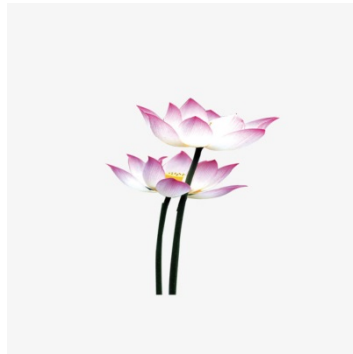


Xin tri ân

tất cả những nhận xét, phê bình và lời sách tấn của
chư thiện trí thức, thân hữu về tác phẩm *Hạt Nắng Bồ Đề*



Giáo sư Cao Huy Thuần

(Trích Email ngày 16.03.2018)

Anh Văn Công Tuấn thân mến,

Sách anh đến tay trong thời gian tôi đau mắt và phải mổ, tuy vậy cũng cố đọc, vì đọc anh cũng như lấy thêm được tinh thần. Bây giờ chúng ta viết là để mà sống, nghĩa là để sống như ta viết. Sách của anh làm cho tâm an lạc. Hơn nữa, sách của anh dẫn tình đạo và càng đọc càng thấy không gì quý, không gì gần gũi hơn mỗi tình đồng đạo thắt chặt chúng ta từ hơn nửa thế kỷ.

Bao nhiêu kỷ niệm, bao nhiêu gương mặt thân yêu, bao nhiêu mái chùa, bao nhiêu hoài vọng. Quý hơn nữa là văn chương của anh. Đạo chúng ta quá thiếu người biết đem văn chương để đi vào lòng quần chúng. Cái gì bây giờ cũng dõm, thứ văn chương thật như của anh quá hiếm.

Mong anh, cứ như thế, tiếp tục chức năng của một trí thức Phật tử, tuy ở xa cũng đóng góp được cây bút của mình.

Thân mến,

CHT.



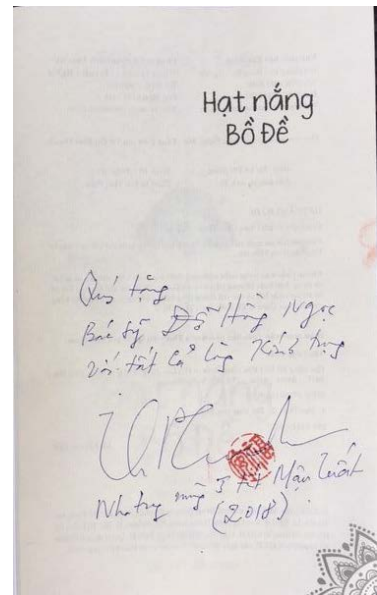
Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc

trong bài viết „Thăm Thầy Phước An chùa Hải Đức Nha Trang“
đăng trong trang nhà www.dohongngoc.com

... Thầy Phước An vừa ra đón khách. Tôi chấp tay chào thầy và nói xin chụp cái hình kỷ niệm nhé. Thầy kêu khoan khoan chờ tôi vào thay y cho đảng hoàng đã chứ!

Rồi cùng chuyện vãn bên chén trà xuân, bên cánh mai vàng rục rờ. Chuyện xưa chuyện nay, chuyện văn chương, chuyện đạo pháp... Dưới chân đồi thăm thẳm kia là thành phố Nha Trang dày kín, xa xa là rặng núi xanh lơ...

Nhắc Văn Công Tuấn với mấy tập sách mới, giọng vãn chân thành trong sáng, “vang vọng lời kinh, lấp lánh ánh vàng” như Nguyễn Hiền Đức nhận xét. Thầy đi lấy ngay cuốn mới nhất của Văn Công Tuấn: *Hạt nắng Bồ Đề*, thay mặt tác giả, ghi lời tặng trang trọng.



Và tôi, cũng không quên gửi thầy tập Thơ Ngắn Đỗ Nghê ...

(xem toàn bài viết của Đỗ Hồng Ngọc ở đây:)

<https://www.dohongngoc.com/web/lom-bom-hoc-phat/nghi-tu-trai-tim-lom-bom-hoc-phat/tham-thay-phuoc-chua-hai-duc-nha-trang/>



Giáo sư Hoang Phong Nguyễn Đức Tiến

(Trích Email ngày 10.02.2018)

Anh Văn Công Tuấn thân mến,

Trước hết xin cảm ơn Anh thật nhiều đã gửi tặng tôi tác phẩm mới của Anh: *Hạt nắng Bồ Đề*. Thật ra tôi đã nhận được quyển sách này từ ba hôm nay và đã đọc. Anh viết theo lối thuật chuyện, ký sự, hồi ký rất linh động và khéo léo, hành văn lưu loát. Anh nên tiếp tục và dần dần sẽ khám phá ra những điều mới lạ và sâu sắc hơn nữa.

Sau đó cũng xin được chúc Anh và gia đình một năm mới thật nhiều an vui, may mắn và sức khỏe, và xin gửi tặng Anh bài thơ Hoa Sen do một người ở VN ngâm và gửi tặng

Thân mến

HP



Kỹ sư Lương Nguyên Hiền

(Trích Email ngày 09.03.2018)

Anh Tuấn mến,

Hôm nay tôi mới đọc xong cuốn sách „Hạt nắng Bồ Đề“ của anh. Hơi chậm vì bà xã tôi nhất định đòi đọc trước, bà vẫn thích lối văn hiền hòa và mang tính chất Phật tánh của Văn Công Tuấn.

Đọc cuốn sách này, tôi bị lôi cuốn vào hành trình của anh. Anh dẫn độc giả đi tới Linh Thứu vào đất Phật nhẹ nhàng thân thiết, không cao siêu, không trừu tượng, như rủ đi ăn phở dù chỉ là phở chay. Người đọc cảm thấy vui, thấy

nhẹ vì anh không bỏ họ mà đi, anh dọn đường cho họ bước, tìm chỗ cho họ nghỉ, họ mệt anh dìu họ đi, anh đã đồng hành với họ hết một đoạn đường dài bằng cuốn sách. Họ nhận ra được tấm lòng của người viết, cái mộc mạc, chân chất nhưng chứa đựng cả một sự trân trọng. Anh sửa soạn tỉ mỉ, tìm tòi công phu, nghiên cứu kỹ lưỡng. Anh muốn chia sẻ với họ, những trải nghiệm anh đã đi qua, những hạnh phúc anh đã có: „Tôi đang hạnh phúc tận hưởng từng giờ từng ngày ở đây“ (Trang 67). Nhưng tôi nghĩ sự cảm nhận hạnh phúc của anh không dừng ở nơi đó, nó không chỉ là dư âm, vì Linh Thứu ở khắp nơi, nếu chúng ta cảm nhận được.

Đọc ở bài „Bát sữa Sujätä“, tôi hiểu thêm được chữ Tolerant. Tolerant không chỉ là bao dung, là độ lượng mà còn là bắc một nhịp cầu: „Vì người cõi áo bọc dâu, vì người ta phải bắc cầu người qua“. Anh đã nối một nhịp cầu, anh khơi lại Phật tánh trong mỗi con người của chúng ta. Đạo Phật không chỉ là một danh từ mà là một hành động. Giáo lý Đạo Phật không phải “đến để tin” mà “đến để thấy” (ehi-passika). Anh đang hành động, đang rải „hạt giống Bồ Đề“ vào tâm con người.

Cám ơn anh đã cho tôi những giờ phút thư giãn khi đọc sách của anh.



Anh Lương Nguyên Hiền viết thêm Email ngày 12.03.2018

Anh Tuấn mến,

... Thật ra viết về 3 đề tài Tagore, Ghandi, Taj Mahal dễ nhưng mà khó. Dễ là vì nhiều tài liệu, bởi lắm người viết, nên có vô khối người đọc. Nếu không có cái đặc biệt, cái riêng của mình, chắc chắn sẽ làm độc giả dễ nhàm chán, vì họ đã đọc rồi, đã biết rồi. Tôi đã từng mất nhiều thì giờ để suy nghĩ mình phải viết cái gì, mà độc giả chưa biết hoặc biết chưa đủ. Nhưng không phải là dễ, Nguyễn Hiền Đức đã cẩn thận nhắc nhở: „có thể làm cho những người “làu thông kinh sử” thấy hơi dư, hơi rườm, nhưng những người sơ cơ về Phật học như chúng tôi thì lại là một điều cần thiết và hữu ích (trang 381)“. Nhưng ranh giới giữa người sơ cơ và làu thông kinh sử nằm ở đâu, khó mà

biết hay là như người Đức thường nói biên giới giữa „thiên tài và điên loạn cách nhau chỉ gang tấc“ (Genie und Wahnsinn liegen dicht beieinander).

- Đọc bài Tagore, tôi thấy mừng vì anh không viết kiểu biên niên như trong Wikipedia. Anh tìm cách kể một câu chuyện về một nhân vật nhiều hơn là viết về công danh sự nghiệp của họ theo công thức năm tháng. Nếu viết thêm về những nỗi đau riêng của họ, những giới hạn của họ, sẽ làm câu chuyện được lý thú hơn. Bởi vì họ cũng chỉ là con người biết đau, biết khổ, biết yêu thương nhưng hơn chúng ta là họ đã vươn lên qua được những thử thách đó. Trong bài Tagore, anh đã bỏ công đi tìm „Phật tánh“ trong thi ca của Tagore. Tôi thấy rất hay, rất lạ.

- Trong bài về Taj Mahal, anh có dẫn chứng là Lăng tẩm này không phải do Shah Jahan xây dựng (trang 279). Tôi xin thêm vào là một số công trình kiến trúc thời đó được lấy từ những vật liệu của các đền thờ, chùa chiền bị đập phá từng phần hay hoàn toàn như trụ tháp Qutb (Qutb Minar) do vua Aibak xây. Vua Aibak đã lấy vật liệu xây cất từ hai mươi bảy ngôi đền Ấn Độ giáo do chính ông ra lệnh đập phá, rồi ráp lại dựng lên tháp. Chính vì vậy mà tháp Qutb nổi tiếng là một công trình pha trộn kiến trúc Hồi Giáo và Ấn Độ giáo.

- Trong bài về Ghandi. Tôi thấy thiếu phần viết về tinh thần đấu tranh bất bạo động của Ghandi hay là so sánh tinh thần đấu tranh bất bạo động của Ghandi với tinh thần đấu tranh của Phật giáo. Nếu thêm được vào phần này, tôi thấy sẽ hấp dẫn hơn. Đây là ý kiến của tôi, tôi thấy trong bài anh ông Ghandi hiền quá.:-)

Đây là ý kiến thô thiển của tôi gọi là “góp lửa” với anh để anh lấy sức đi tiếp. Tựu trung cuốn sách của anh có giá trị, nhiều công sức tìm tòi nghiên cứu, có chiều sâu của sự suy nghĩ. Sách của anh kén người đọc là vậy.



Kiến trúc sư Trần Phong Lưu

(Trích Email ngày 20.02.2018)

Như năm qua, chúng tôi đã nhận được món quà Xuân quý của anh. Mở ra thấy bìa sách in đẹp đơn giản mà đủ nghệ thuật, hợp với kỹ thuật chuyên môn của tôi:

Những vòng tròn đồng tâm màu vàng đậm nhạt khác nhau trên mặt phẳng đứng. Chiếc lá bồ đề như rơi nhẹ xuống, vừa chạm mặt nước, là lan ra những vòng dợn sóng nước cũng đồng tâm màu xanh đậm nhạt trên mặt phẳng nằm ngang, như trong hình học lưỡng chiều của môn Họa hình. Chiếc lá bồ đề in nổi màu xanh, thấy rõ các gân lá, nhưng không xanh hẳn như màu lá trên cành, mà lang vàng khô, đúng là lá rơi. Tựa Hạt nắng Bồ đề cũng in nổi, màu đen, nhưng không đều đặn láng cạnh như chữ in tên Tác giả, mà khuyết cạnh như chữ thảo bằng cọ viết tay. Nhưng tại sao lại Hạt nắng, khi mà các nhà văn lâu nay vẫn viết là sợi nắng hay giọt nắng. - À! Hạt thì hợp với cây lá Bồ đề hơn.

Bìa Lưng in hình hoa sen thể thức hóa, vốn là một trong những mẫu in trên nền gạch nung cũ các ngôi chùa cổ Bắc Việt, mà tôi cũng đã chọn in trên đầu ngói chùa Khánh Anh, Evry. Dưới mẫu hoa, tôi đã đọc các lời phê của nhị vị Hòa thượng và ông Nguyễn Hiền Đức.

(Viết đến đây thì phải ngưng, để lo cúng rước ông bà và ba ngày sau phải lo cúng Tết. Tôi muốn tiếp nối truyền thống gia đình mà Má tôi lúc sanh tiền vẫn lo toàn, để ông bà cha mẹ được vui về ăn Tết với con cháu. Nay đưa Ông bà đi rồi, tôi xin viết tiếp).

Phần nội dung tôi chỉ mới đọc lướt qua nên chưa có ý kiến gì. Nhưng tôi biết có nhiều bài được chọn lựa làm câu chuyện đạo để chúng tôi đưa ra đọc và bàn thảo vào các buổi họp mặt Lễ Phật cầu an hằng tháng của Chi hội Saarland, khi không có quý Thầy hay Sư về thuyết Pháp...



Thi sĩ Đan Hà viết bài Điểm Sách

Độc: Hạt Nắng Bờ Đề **Ký sự hành hương của Văn Công Tuấn**

đăng trên các trang mạng Quảng Đức, Hoa Vô Ưu, Rộng Mở Tâm Hồn
và báo Viên Giác.

Chữ bay từng cánh chim ngàn

Mỗi câu là mỗi Niết bàn hóa thân.

Xin phép được “tựa” vào hai câu thơ của cố Giáo sư Vũ Hoàng Chương, để bước vào thế giới văn chương của Văn Công Tuấn. Vì rằng, có lẽ, anh đã có nhiều duyên lành để dung thông với tư tưởng uyên áo của các bậc Thầy khả kính nơi ngôi trường Vạn Hạnh của ngày xưa Sài Gòn. Cũng như sau này có nhiều thuận duyên để tìm hiểu thêm về tư tưởng các danh nhân trên thế giới. Trong đó anh đã dành cảm tình đặc biệt với văn hào Hermann Hesse. Người đã được thừa hưởng “gia tài tâm linh” của một “ông lái đò” qua câu chuyện dòng sông. (“Khi dòng sông phẳng lặng thì bóng dáng chân như sẽ hiển bày”).

“Hạt Nắng Bờ Đề” là ký sự hành hương của anh, do nhà sách Thái Hà in ấn trên giấy hoàng kim, với phụ bản là hình ảnh rất nghệ thuật của tứ động tâm và các di tích lịch sử. Lời giới thiệu của Thầy Thích Phước An. Lời thưa và cảm ơn của tác giả. Sau cùng là Nhân đọc Hạt nắng Bờ Đề của Nguyễn Hiền Đức.

Xin bước vào để dõi theo những bước chân đi tìm...

Hay nói khác là bước vào thế giới văn chương của anh Tuấn là để cùng học hỏi, chứ không phải để nhận định hay phê bình. Vì tôi cũng chỉ là kẻ sơ học về cả đời lẫn đạo. Chỉ ghi lại những cảm xúc của mình sau khi đọc sách, và cảm thấy đây là cuốn sách hướng dẫn khách hành hương về quê hương của Phật, được mang đầy đủ các yếu tố quan trọng từ hình thức đến nội dung, từ ngoại cảnh đến nội tâm một cách phong phú và khoa học. Chúng tôi không dám có lời gì nói thêm, mà chỉ muốn dõi theo bước chân... như ông Bùi Giáng:

Thưa rằng nói nữa là sai

Mùa xuân đang đợi bước ai đi vào.

Vì từ “Cổ Thụ Lặng Bóng Soi”, đến “Hạt Nắng Bồ Đề” anh đã bước đi những bước thật dài, lắng sâu vào sự chiêm nghiệm. Suy niệm về lẽ vô thường, lý sắc không. Từ những nhận thức và cảm xúc về văn hóa Phật giáo rất sâu sắc. Đến lòng cầu học để ước mong được thâm nhập kinh tạng trong một kiếp hiện tiền này. Trải qua không biết bao những hiện tượng trùng trùng duyên khởi về ý niệm mâu thuẫn, được phủ trùm bởi màn lưới vô minh, thì hình như, anh đã bắt gặp một “dấu lặng” để một bước ngàn trùng thiên lý trong cuộc đi tìm những Hạt nắng Bồ Đề, đã trải vàng theo nhịp bước Chân Nhân.

Bước đầu tiên là giới thiệu một trong tứ động tâm, đó là Bồ Đề Đạo Tràng, nơi đức Phật Thành Đạo. Anh đã ghi nhận nhiều sự kiện xảy ra, như Phật chứng được Tam Minh (Túc Mạng Minh, Thiên Nhân Minh, Lậu Tận Minh) thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác. Như bài thuyết pháp đầu tiên Tứ Diệu Đế cho năm anh em Kiều Trần Như. Là một trong những sự kiện lịch sử vẻ vang của Phật giáo, trong đó với yếu tố quan trọng bậc nhất này không thể không ghi nhận:

“Lần đầu tiên – và cũng là duy nhất – trong lịch sử loài người, có một vị giáo chủ tự dẫn thân đi tìm ra đạo giải thoát và sau khi hành đạo dám tuyên bố rằng, tất cả mọi người có thể chứng đạo như Ngài, có thể ngồi trên pháp tòa tối thượng như Ngài. Ấy là một sự kiện vĩ đại nhất của nhân loại, cho mãi cả đến ngày hôm nay”.(trích: Chứng đạo dưới cội Bồ Đề. Hôm ấy đã là quá khứ”. (trang 30).

Bước thứ hai là: Đọc Hoa Nghiêm dưới chân tháp Hoa Nghiêm. Là Phật tử thì chắc chắn ai cũng đã nghe quý thầy giảng về Kinh Hoa Nghiêm. Bộ kinh mà đức Phật sau khi thành đạo, đã từ trong thiền định giảng kinh cho các vị Bồ tát và Duyên giác trong vòng hai mươi mốt ngày. Là một bộ kinh vô cùng thâm diệu, khó nghĩ khó bàn, không có mấy người chạm chân vào bậc thềm của Hoa Nghiêm. Nên ở đây tác giả chỉ kể lại nguyên nhân tạo cơ duyên đọc kinh mà thôi:

Lý do thứ nhất: *Ba chữ kinh Hoa Nghiêm với tôi đã khá thân thuộc, dù trước khi đi chưa hề tụng hết bộ kinh này. Tôi nói khá thân thuộc vì gần hai mươi năm trước đây tôi từng đọc say mê Thả một bè lau của thiền sư Nhất Hạnh...*

Lý do thứ hai: *Khi bắt đầu học Phật, tôi học theo sách Phật Học Phổ Thông của Hòa thượng Thiện Hoa . Sách ấy viết rằng: “Trong kinh Hoa Nghiêm có câu,*

Nhất niệm sân tâm khởi, bá vạn chướng môn khai – Một phen sân hận nổi lên thì muôn ngàn chướng nghiệp nảy ra.”

Lý do thứ ba: *Cứ đọc kinh sách, luận văn Phật Pháp một hồi thế nào cũng có người nhắc đến Hoa Nghiêm. Bóng mát Hoa Nghiêm tỏa rộng bao trùm cả giáo lý Phật Đà như bóng của cổ thụ từng bách. Có những câu kinh căn bản như: “Nhất thiết duy tâm tạo”.*

Lý do thứ tư: *Trước khi chuẩn bị đi Ấn Độ tôi đã tìm gặp Hòa thượng Như Điển để xin thầy một lời khuyên là nên đọc kinh gì trong những ngày ở Bồ Đề Đạo Tràng... Thầy phán ngay: kinh Hoa Nghiêm. Tôi hiểu ý thầy, vâng lời không hỏi gì thêm(trang 52).*

Là những tư liệu làm hành trang để giúp cho anh có bước chân vững chãi, hy vọng được thâm nhập kinh tạng, được dung thông với cảnh giới Hoa Nghiêm.

Bước thứ ba: “Vầng nhật nguyệt sáng ngời đỉnh núi Thửu”. Là ước mơ của anh từ lâu nay, được một lần ngủ lại trên đỉnh núi Thửu, đề ban đêm được ngắm trăng và sớm mai nhìn mặt trời mọc. Vì trăng mỗi nơi mỗi khác, mặt trời cũng khác ở đông tây. Vì có hiện thực, thì cũng có viễn mơ. Nếu trôi qua vùng tâm thức của siêu nhân thì sẽ trở thành huyền thoại.

Như huyền thoại trong chốn thiền môn thì có: “Bát Cơm Hương Tích, chén Trà Tào Khê, ngòi Thuyền Bát Nhã, ngắm Trăng Lăng Già”. Không biết ai đã có đủ hạnh duyên đó, để thưởng thức hương vị siêu nhiên? Nhưng có lẽ với anh Tuấn thì, hình như đã có một lần khi anh kể: “Có một lần viếng thăm quê hương của Phật, vượt qua bao thử thách vẫn cố gắng làm tròn tâm nguyện là được ngắm nhìn cả hai vầng nhật nguyệt. Và anh đã thấy: “Núi non vẫn nằm đó, cây cỏ còn đó, mỏm đá hình chim thửu vẫn đứng đó: Đã bao lần mặt trời từng mọc lên đã chiếu sáng ngọn núi thiêng này sau những đêm tối? Ai đếm cho hết, ai cất công ghi lại cho kham? Nhưng có một điều tôi đoan chắc: mặt trời kia chưa bao giờ ngưng tỏa sáng trên đỉnh núi Thửu này.”(trang 66).

Và anh đã gặp: “Một nhóm hành hương có bốn người có nguồn gốc từ bốn quốc gia khác nhau, họ cùng hẹn nhau đến núi Thửu. Đểm lạ là họ muốn đến ngủ để thưởng trăng trên vùng trời linh thiêng của chư Phật chư Tổ. Và không phải họ chỉ muốn đến đây để thưởng trăng, họ muốn đến đây để dốc lòng cầu

nguyện, tụng kinh, thiền tọa, tu tập... Mỗi người cầu nguyện một cách. Có khi họ cùng lúc tụng kinh lớn tiếng bằng bốn loại ngôn ngữ khác nhau.”(trang 68).

Bước thứ tư: Duyên. Lần này mới thật là hạnh duyên khi đến “Đạo Tràng”, anh kể: “Nhân một buổi trưa ghé vào thư viện của trung tâm tu học Viên Giác. Gặp sư cô Liễu Pháp thật vui và dễ thương (sư cô là sinh viên du học đang theo học chương trình Master đại học Gaya và đang tạm trú tại Viên Giác). Câu chuyện dẫn đến chi tiết các thánh tích, các cuộc hành hương, rồi đến việc đánh lễ xá lợi Đức Phật, về khóa tu xuất gia gieo duyên tại trung tâm Viên Giác này trong vài tháng tới. Sư cô nói cũng đã giúp nhiều cư sĩ xuống tóc gieo duyên ở thánh địa. Nói chuyện một hồi, tự nhiên bà xã tôi quay sang hỏi nhỏ tôi: “Hay là kỳ này mình hỏi sư cô nhờ giúp giùm chuyện xuống tóc gieo duyên, anh nghĩ sao?”...(trang 103).

Thật là “Được lời như mở tấc lòng”... nên anh đã nhờ sư cô liên hệ và giới thiệu với chùa Tích Lan để thỉnh sư đến tháp Đại Giác làm lễ xuống tóc. Sau đó về chùa cúng dường trai tăng, cũng như tặng quà cho 15 em thanh thiếu niên đang ở đây. Và được vị sư trụ trì hứa khả với giờ hẹn ngày mai lúc 9 giờ. Tất cả chuẩn bị đầy đủ và sáng sớm ra điểm hẹn chờ, nhưng đã quá giờ rồi mà sư vẫn chưa đến!. Chợt thấy một hội chúng khoảng 30 vị Lạt ma, họ dựng nhanh một pháp tòa gồm nhiều pháp khí và họ chờ đợi một việc gì đó?

-Sư cô Liễu Pháp hỏi tôi: “Chắc có điều gì trục trặc ở chùa Tích Lan đây? Thường thì sư đúng giờ lắm mà. Hay là mình nhờ quý Lạt ma này xuống tóc giúp, chú nghĩ sao?” “Dạ”, tôi cũng đã thầm mong được vậy.”(trang 108).

Và anh đã nhờ người đi thưa thỉnh, nhưng bị từ chối ngay ! Sư cô muốn thử thêm thời vận một lần nữa, liền đến chấp tay cung kính bạch Ngài. Nhưng Ngài cũng lắc đầu. *Sư cô nói: “Lần này cô chú phải đích thân sang cầu Ngài đi, có thể Ngài từ bi hứa khả.” Tôi cũng nghĩ thế, thì bà xã tôi đã đứng bật dậy ngay, đi thẳng đến bên Ngài thủ tòa và chấp hai tay lạy phủ phục xuống. Chúng tôi chưa kịp thưa thỉnh gì cả thì Ngài đã cười và gọi vị Lạt ma công văn của pháp hội lại và nói gì đó. Vị Lạt ma này dịch lại là họ không mang dao kéo theo thì làm sao xuống tóc cho chúng tôi được... Thưa, chúng tôi có mang sẵn dao kéo theo đây, và giải thích cặn kẽ. Ai nấy đều vô cùng hoan hy...” (trang 109).*

Bước thứ năm: Bát sửa Sujātā. Kể chuyện nàng Su-jātā ở trong ngôi làng cùng tên với cô. Thường hay vào rừng để cúng dường các vị đạo sư. Nàng chợt thấy một vị Sa môn nằm bất tỉnh dưới một gốc cây, nhìn dáng vẻ Ngài như một

vị thần, nàng quỳ xuống khấn nguyện và lấy sữa trong bát nhỏ giọt vào miệng vị Sa môn kia. Ngài dần dần tỉnh lại, và sau đó hàng ngày nàng đều mang sữa đến cúng dường cho đến ngày Ngài thành chánh quả dưới cội Bồ Đề. Thật là một đại ân nhân của Phật giáo thế giới, vì nếu không có người thôn nữ ấy phát tâm cúng dường, thì không biết lịch sử Phật giáo có hiện diện hay không?

Nhân việc này, anh Tuấn đặt câu hỏi: “Có lactose trong bát sữa của nàng thôn nữ Sujātā ấy không? Rồi luận bàn về việc này thấy cũng rất hữu ích. Khiến tôi nhớ lại trước đây một người bạn kể rằng, mỗi lần uống sữa anh ta đều bị đầy hơi, tiêu chảy. Đi khám bác sĩ không tìm ra bệnh, chợt bác sĩ hỏi: anh có uống sữa không? Trả lời có. Ông ta giải thích có một số người cơ thể họ không tiêu thụ kịp lượng đường của sữa (lactose) nhất là những người ở xứ nóng. Và khuyên anh ta nên uống các loại sữa lactosefrei. Đây có thể nói là một đề tài về y học phổ thông rất có giá trị.

Bước thứ sáu: Cõi tịnh. Chắc nhiều người đã quen với nếp sống văn minh của người Âu Tây, nên đến hành hương tại Ấn Độ cũng gặp phải những điều bất ưng. Nhất là cảnh vào nhà vệ sinh cứ cảm thấy mùi hôi phảng phất mãi trong đầu. Không thể nào xóa đi được cái cảm giác cấu uế ấy. Riêng anh Tuấn thì: *“Nghĩ hoài không xong nên tôi phải tìm đến Ngài Xá Lợi Phất. Tôn giả từng giảng cho tăng chúng thời ấy về ý nghĩa của cấu uế. Ngài dạy: Có bốn hạng người trên đời. Hạng có cấu uế mà không tự biết; hạng có cấu uế và thật biết mình có cấu uế; hạng không cấu uế nhưng không tự biết; hạng không cấu uế và biết mình không cấu uế. Tôn giả lại dạy rằng, hạng người có cấu uế mà lại không biết mình có cấu uế là hạng người hạ liệt. Hú hồn cho tôi! Lúc trước thì có khi ở trong xóm hạ liệt, bây giờ thì đã cắt hộ khẩu rời khỏi khu vực ấy”*. (trang 136).

Bước thứ bảy: Học hạnh bố thí. Chuyện kể các đoàn hành hương khi đến Bồ Đề Đạo Tràng, thường hay dừng chân vài ba ngày để nghỉ ngơi, chiêm bái lễ tạ nơi Phật thành đạo linh thiêng và thăm viếng các chùa, tự viện tại thánh địa này. Và sau đó là công việc phát quà cho người nghèo. Người dân Ấn thì họ quá nghèo, mà người xưa thường nói: “Bần cùng sinh đạo tặc”. Ai cũng muốn nhận nhiều hơn, chưa kể đến những “tổ chức ảo” để đánh lừa khách hành hương!

Còn đối với người bố thí thì lại mang nhiều tâm phân biệt khác nhau, nên việc bố thí cũng đầy nhiều khê. Thành ra anh đã hướng đến các câu chuyện xưa

trong kinh điển để tiện thể học tập. Chuyện thứ nhất là: “Bà già cúng đèn” trong A Xà Thế Vương Thọ Quyết Kinh. Hai là: Chuyện vua Lương Võ Đế và Tổ Bồ Đề Đạt Ma bên Trung Hoa. Ba là: Chuyện Đại Đức Kusalachitta một vị sư Tích Lan đã nguyện đem tuệ giác làm ngọn đèn soi sáng cho bước chân non dại của tuổi trẻ tại nơi thánh địa của Phật, bằng công hạnh bố thí Pháp vì trong tất cả các phương tiện bố thí, thì bố thí Pháp là thù thắng, là tối thượng nhất.

Bước thứ tám: Đến Bồ Đề Đạo Tràng không phải chỉ để tìm Phật. Kể lại chuyện gặp một tượng Phật rất đặc biệt là không ngồi trên một tòa sen, mà lại tọa trên một cái bục như bó cỏ, nệm rơm. *“Tôi thấy tượng Phật này quá gần gũi, quá thân quen. Cảm tưởng như đức Phật đang bước xuống khỏi tòa, đến gần tôi để trao cho tôi một ngọn đuốc và bảo tôi, con hãy thắp đuốc lên mà đi...(trang 166).*

Bước thứ chín: Trên đỉnh Dugeswari và Pico de Brandama suy niệm về con đường khổ hạnh: Nhân một lần đi tham quan ngọn núi lửa Pico de Bandama ở Tây Ban Nha, anh cảm thấy rợn người khi nhìn xuống. Thấy cảnh sống chết đang hiện hữu từng sát na trong những sinh vật trên trái đất này. Và rồi hôm nay anh nghĩ đến con đường khổ hạnh của Thái tử Tất Đạt Đa, đi xuất gia cho đến ngày Ngài thành đạo Chánh Đẳng Chánh Giác dưới gốc cây Bồ Đề. Ban đầu thì Ngài nghĩ rằng, cuộc sống trong cung vàng điện ngọc đầy thú vui nhục dục. Quá nuông chiều thân xác của mình nên tâm không thấy an lạc. Nên Ngài đã thực tập theo các đạo sĩ tu khổ hạnh... Và trải qua sáu năm trong rừng già, Ngài thấy thân mình càng ngày càng tiều tụy, nhưng vẫn chưa tìm thấy sự giải thoát và giác ngộ. Một buổi sáng Ngài rời đồi Dugeswari và hướng về làng Bakraur, trên đường đi Ngài đã kiệt sức nằm ngã quỵ bên gốc cây ở làng ấy. Tại đây Ngài nhận bát sữa của nàng thôn nữ Sujātā dâng cúng. Khi tỉnh lại Ngài xuống sông Ni Liên Thuyền tắm gội sạch sẽ rồi đến cội Bồ Đề ngồi tham thiền. Cho đến một hôm Ngài chứng được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền... Ngài chứng quả Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bước thứ mười: Chuyện hai Ông Đá. Kể lại sự tích của hai vị Bồ Tát hộ pháp. Vị thứ nhất là đại đế Asoka tên Việt gọi là A Dục Vương. Xuất thân là một vị vua tàn bạo, độc ác nên được gọi là Candāsoka. Ông đã từng xuất quân đánh chiếm nước Kalinga chiến thắng nhanh chóng, nhưng đã để lại một chiến trường đẫm máu với hàng trăm ngàn người chết và mấy trăm ngàn người bị bắt làm nô lệ...! Nhưng sau đó không lâu thì xảy ra một biến chuyển vô cùng đặc biệt là, trong lúc còn đang lầy lừng trên ngai vàng thì nói theo ngôn ngữ

nhà thiền Ngài “hoát nhiên đại ngộ”. Ngài quy y theo Phật và gìn giữ các giới cấm nên được gọi là Dharmasoka. Ngài đã cho xây dựng các trụ đá và khắc lên những sắc dụ, mang ý nghĩa như các giới cấm cho hàng Phật tử do đức Phật chế ra. Mong đem lại một đời sống hạnh phúc cho toàn dân, cũng như tôn trọng sự sống của mọi loài sinh vật khác... Nhưng những sự kiện ấy vẫn còn trong huyền thoại, vì các di tích bị chôn vùi dưới lòng đất, cũng như thế hệ sau này không đọc được cổ ngữ! Cho đến năm 1831, sau gần hai mươi thế kỷ sau Asoka, có người đã lần theo dấu vết để khai mở sự thật. Đó là ông Sir Alexander Cunningham xuất thân một vị tướng lĩnh, được gửi sang Ấn Độ, nhận nhiệm sở tại Calcuta. Ông cùng đồng nghiệp James Prinsep bắt đầu quan tâm đến việc nghiên cứu về khoa học và khảo cổ học tại đây...

Bước thứ mười một: Bò ơi, cứ ăn cỏ! Nhận dịp đến thành phố Bà La Nại, một buổi sáng được người hướng dẫn viên khách sạn đưa đến sông Hằng để ngắm mặt trời mọc. Đường đi luồn lách trong các xóm lao động là dịp anh chứng kiến nếp sinh hoạt thực sự của xã hội Ấn Độ được thu nhỏ. Trên đường gặp những chú bò đang rúc đầu vào đồng rác để kiếm thức ăn. Mà rác của cái xứ sở nghèo mạt rệp này thì kiếm đâu ra thức ăn. Khiến cho anh chạnh lòng thương cảm đến những chú bò được tôn vinh là “Thần”, nhưng lại sinh ra trong một hoàn cảnh tối tăm như thế này! Rồi anh nghĩ đến thân phận của muôn loài, muốn thoát khỏi cảnh bi thảm này thì cần thắp lên một ngọn đuốc, ngọn đuốc trí tuệ của đức Như Lai.

Bước thứ mười hai: Nghe đâu đó quanh đây âm hưởng của Tagore. Trong những bước chân tìm về chân như, bỗng dưng thấy bàn bạc trong không gian hình bóng của một vĩ nhân. Một thiên tài của văn học thế giới là thi hào Tagore, người đầu tiên Á châu nhận giải Nobel Văn học năm 1930. Nhưng đối với Phật tử thì lòng ngưỡng vọng không chỉ có thế, mà còn kính ngưỡng một tấm lòng và đức tin. Theo giáo sư Krishna Kripalani viết một tiểu sử bằng tiếng Anh về Tagore rằng: *“Tagore vô cùng kiêu ngạo, suốt đời ông chưa hề quỳ lạy một người hay hình tượng nào. Thế nhưng Tagore nuôi lòng kính trọng sâu sắc với Đức Phật ở Bồ Đề Đạo Tràng Bodh Gaya, Saranath và những nơi thiêng liêng khác của đạo Phật. Ông bày tỏ điều đó với tình cảm sâu sắc: “Tôi là một đệ tử của đức Phật, quy y vì trí tuệ của Ngài, tôi vô cùng xúc động vì cảm thấy được gần gũi Ngài.”*(trang 262).

Bước thứ mười ba: Taj Mahal – Đã qua rồi thời hoàng kim ấy. Ngôi đền được vinh danh là “Kỳ quan thế giới này” đã qua một thời hoàng kim, hay đã

qua rồi một huyền thoại đau thương, chất chồng lên người dân Ấn. Đầy đầy những chuyện phi nhân, những việc vô đạo, mà trớ trêu thay bây giờ “người hướng dẫn du lịch” lấy cái lịch sử bi thảm ấy để tôn xưng là “biểu tượng của tình yêu muôn thuở” để trở thành một kỳ quan, thì khi nghĩ đến đúng, sai cũng khó phân biệt !

Bước thứ mười bốn: Chuyện ba con khỉ của Thánh Gandhi. Khi đến căn phòng lưu niệm của Thánh Gandhi anh đã thấy: *“Kế bên chiếc bàn viết nhỏ và thấp có hình ảnh ngộ nghĩnh đập vào mắt tôi ngay. Trên một cái bục nhỏ màu trắng có đặt một tượng nhỏ tạc ba con khỉ bịt mắt, bịt tai, bịt miệng...”* (trang 290). Và anh nhớ lại những nơi trước đây anh đã đến và thấy cũng có hình ảnh này. Mỗi nơi giải thích theo một cách khác nhau. Tại Âu châu thì: *“Nghe, nhìn và làm thinh, nếu bạn muốn sống bình yên (yên thân)”*. Tại Á châu thì *“Khổng tử dạy cho đệ tử: “Cái gì không hợp lẽ thì không nhìn, không hợp lẽ thì đừng nghe, không hợp lẽ thì đừng nói, không hợp lẽ thì đừng làm.”* (trang 291). Rồi anh nghĩ đến lời dạy của Đức Phật con đường đưa đến hạnh phúc, an lạc là: Bát Chánh Đạo..

Bước thứ mười lăm: Dư âm. *“Thường sau những cuộc đi, dù đi thăm, đi du lịch ngắn hay những chuyến đi dài ngày, lúc quay về tôi có thói quen ngồi yên lặng để nghĩ về cái “không gian và thời gian còn đọng lại” trong ký ức mình sau các chuyến đi ấy. Để rồi một ngày kia, mình sẽ gặp một chuyến tàu đi thật xa và thật dài ngày, đi đến tận cuối trời.”* (trang 306).

Lời kết: “Hạt nắng Bồ Đề” là ghi nhận từng bước hành hương và tấm lòng mong cầu tu học mà anh Văn Công Tuấn đã thực hiện. Những nơi anh đến, những thắng tích anh thấy, những cảnh giới tâm linh anh đã cảm nhận, những triết lý về nhân sinh quan anh đã nghe, nhận định về văn hóa Phật giáo mà anh đã học. Tất cả đều được anh ghi lại bằng một lối văn giản dị, trong sáng. Một tác phẩm rất có giá trị về lãnh vực tâm linh cho những ai mong muốn đi tìm thế giới bình an.

Tác giả: Đan Hà
